

của các DN để tính các chỉ tiêu như: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm quốc gia (GNP)...

1. NHỮNG ĐIỂM CÒN HẠN CHẾ

1. Việc lập dự phòng

Theo nguyên tắc thận trọng, việc lập dự phòng những tổn thất có thể xảy ra trong tương lai là cần thiết và trong hệ thống TKKT mới đã có những TK dự phòng như:

- TK 129 dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn
- TK 139 dự phòng nợ phải thu khó đòi
- TK 159 dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- TK 229 dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Tuy nhiên chưa có tài khoản nào để phản ánh khoản dự phòng giảm giá tài sản cố định. Đây là nội dung mà chúng tôi thấy cần thiết phải bổ sung để việc lập dự phòng có tính hệ thống và khoa học.

2. Về chi phí bán hàng

Theo phương pháp kế toán mới, chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển để tính lãi thuần của hoạt động kinh doanh lúc cuối kỳ. Trong trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ liên quan đến hàng gửi đi bán ở kỳ này nhưng sang kỳ sau mới bán được thì việc kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng như trên là không hợp lý, không bảo đảm sự tương xứng giữa doanh thu và chi phí được trừ.

3. Về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Hệ thống tài khoản kế toán mới chỉ đề cập đến trường hợp thiệt hại do ngừng SX theo kế hoạch và hàng hóa hay thành phẩm gửi bán bị hư hỏng không thể bán được còn việc làm ra sản phẩm hỏng hay ngừng SX ngoài kế hoạch thì chưa thấy cách giải quyết. Trong vấn đề này có thể bổ sung nghiệp vụ bắt người gây ra thiệt hại phải bồi thường theo những chi phí thực tế đã phát sinh.

4. Về nghiệp vụ thuế

Phương pháp kế toán các loại thuế mà DN có nghĩa vụ nộp cho nhà nước không có thay đổi gì lớn và như vậy ta chưa phù hợp với yêu cầu cải cách hệ thống thuế theo hướng áp dụng thuế trị giá gia tăng (VAT) thay cho thuế doanh thu...

5. Về các nhật ký chuyên dùng

Việc quy định ghi chép số phát sinh ở 2 bên của tài khoản trên các nhật ký chuyên dùng là điều không hợp lý vì sẽ bị trùng lặp rất nhiều lần tăng khối lượng công việc của kế toán viên. Mặt khác không thấy hướng dẫn về cách giải quyết các bút toán bị trùng khi chuyển số liệu từ các nhật ký chuyên dùng vào sổ nhật ký

chung. Trong vấn đề này có nên chăng áp dụng các nhật ký chuyên dùng của kế toán Mỹ (gồm 4 nhật ký: chi tiền mặt; thu tiền mặt; mua hàng chịu; bán hàng chịu) vừa đơn giản, dễ làm mà không bị trùng lặp.

6. Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Theo những nội dung được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ chúng ta sẽ dàng nhận thấy nội dung của các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh gồm mọi quá trình kinh doanh liên quan đến các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như: lãi thuần từ HĐKD; các khoản thu chi bất thường; thuế lợi tức đã nộp, lãi vay đã trả và sự thay đổi của tài sản lưu động.

- Hoạt động đầu tư bao gồm các quá trình kinh doanh liên quan đến việc mua, bán các TSCĐ, trái phiếu, cổ phiếu của các DN khác, tiền đầu tư vào các chi nhánh... và lãi thu được từ những hoạt động này.

- Hoạt động tài chính: bao gồm tất cả các quá trình liên quan đến việc đi vay các nhà cho vay (kể cả việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu) và mọi quá trình liên quan đến các chủ sở hữu, các khoản nợ đi vay đã trả và lãi cổ phần đã chia.

Trong khi đó, hệ thống TKKT thì xếp các hoạt động mua bán chứng khoán vào loại hoạt động tài chính (TK 711 và 811); xếp các hoạt động nhượng bán TSCĐ, và các khoản thu chi khác như thiếu thừa trong kiểm kê, được bồi thường hay bị phạt vào hoạt động bất thường (TK 721 và 821). Như vậy mối quan hệ giữa báo cáo kế toán với các TKKT trong vấn đề này chưa được giải quyết một cách triệt để và hợp lý. Hạn chế này có thể giải quyết như sau:

- + Đổi tên gọi 2 TK 711 và 811
- TK 711: Thu nhập từ hoạt động đầu tư
- TK 811: Chi phí của hoạt động đầu tư

+ Khi bán TSCĐ thì phản ánh vào TK 711 và 811 thay vì ghi vào TK 721 và 821 là hoạt động bất thường.

Trên đây là những nhận xét của chúng tôi với mong muốn góp phần xây dựng hệ thống TK kế toán mới cũng như có dịp nghiên cứu và trao đổi thêm nhằm nâng cao nhận thức. Riêng tác dụng lớn lao của kế toán trong nền kinh tế thị trường phát triển còn phụ thuộc rất nhiều vào các vấn đề có tính pháp lệnh như: chế độ ghi chép ban đầu, chế độ kế toán bất buộ; chế độ kiểm tra tài chính kế toán...■

Để đáp ứng chuyển biến của nền kinh tế, Bộ tài chính ra quyết định số 212 TC/CDKT ban hành "hệ thống tài khoản thống nhất" ngày 15.12.89 để thay thế "hệ thống tài khoản thống nhất các ngành" của nền kinh tế quốc dân ban hành năm 1971. Từ đó đến nay, nền kinh tế VN ngày càng tăng trưởng phát triển nhanh theo nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống tài khoản kế toán đang sử dụng tỏ ra kém hiệu quả không đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý của các doanh nghiệp. Nhằm tăng cường công cụ quản lý kinh tế của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của nước ta hiện nay, tạo thuận lợi cho công tác kế toán ở các doanh nghiệp, ngày 14.12.94 Bộ tài chính ban hành "hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp" theo quyết định số 1205/TC/CDKT thay thế "hệ thống tài khoản kế toán thống nhất" ban hành năm 1989. Hệ thống tài khoản này đang áp dụng thí điểm tại một số doanh nghiệp trong ngành xây dựng và có thể chính thức áp dụng cho các doanh nghiệp vào ngày 1.7.1995.

Sau thời gian nghiên cứu hệ thống tài khoản kế toán mới, một số ý kiến cho rằng hệ thống tài khoản kế toán mới có nhiều ưu điểm, có thể điểm qua một số nét lớn như sau:

. Cho phép các doanh nghiệp lựa chọn phương pháp hạch toán, phương pháp đánh giá tài sản... phù hợp với điều kiện và quản lý thực tế tại mỗi doanh nghiệp.

. Sử dụng nhiều hơn tài khoản đơn tính, giúp người làm kế toán dễ dàng hạch toán.

. Giải quyết được những nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế như: tài sản cố định vô hình, tài sản cố định thuê dài hạn, dự phòng rủi ro...

. Áp dụng một hệ thống tài khoản kế toán thống nhất cho các doanh nghiệp, không phân biệt kế toán doanh nghiệp quốc doanh hoặc kế toán doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

. Hòa nhập với thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế nhưng có chọn lọc những chuẩn mực phù hợp với cơ chế kinh tế của Việt Nam, trong quá trình phát triển...

Ngoài những ưu điểm lớn nói trên, hệ thống tài khoản kế toán mới cũng có một số vấn đề cần phải xem xét lại để hoàn thiện hơn.

1. Chưa nhất quán phương pháp hạch toán cho một số nghiệp vụ kinh tế có cùng nội dung kinh tế.

Đơn cử như: khi hướng dẫn sử dụng TK 221 "góp vốn liên doanh" ở trang 115 (hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp) có viết: "Căn cứ kết quả đánh giá (nguyên giá hoặc giá trị còn lại) của tài sản cố

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CỦA HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN MỚI

HÀ XUÂN THẠCH

định làm vốn liên doanh, kế toán ghi sổ.

+ Trường hợp chênh lệch tăng, ghi tăng vốn kinh doanh

Nợ TK 221: góp vốn liên doanh (giá trị vốn góp)

Có TK 411: vốn kinh doanh (phần chênh lệch tăng)

Có TK 211: TSCĐ hữu hình (nguyên giá)

+ Trường hợp chênh lệch giảm được ghi giảm vốn kinh doanh

Nợ TK 221: góp vốn liên doanh (giá trị vốn góp)

Nợ TK 411: vốn kinh doanh (phần chênh lệch giảm)

Có TK 211: TSCĐ hữu hình (nguyên giá)

Nhưng khi trình bày phương pháp hạch toán chủ yếu ở tài khoản 412 "chênh lệch đánh giá lại tài sản", trang 164 (hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp) có viết:

"Nếu giá trị tài sản góp vốn được đánh giá lớn hơn giá trị ghi trên sổ kế toán, kế toán ghi:

Nợ TK 221: góp vốn liên doanh (giá trị vốn góp)

Có TK 151, 156, 211 (giá trị ghi trên sổ kế toán)

Có TK 412: chênh lệch đánh giá tài sản (ghi số chênh lệch đánh giá cao hơn)

Như vậy cùng một tài sản đem góp vốn liên doanh, nhưng có hai hướng dẫn hạch toán khác nhau. Tương tự hướng dẫn xử lý hàng thừa khi kiểm kê hàng hóa không thống nhất với kiểm kê thành phẩm...

2. Một số phương pháp hạch toán ở hệ thống tài khoản kế toán cũ bị thay đổi nội dung và phạm vi hạch toán, cần hướng dẫn chi tiết khi áp dụng vào phương pháp hạch toán của hệ thống tài khoản kế toán mới. Nếu không người ứng dụng kế toán sẽ suy diễn nhiều hướng khác nhau, dẫn đến một nội dung kinh tế. Điều này dễ dàng xảy ra vì ở chế độ kế toán VN chưa ban hành một số nguyên tắc, luật lệ, chuẩn mực kế toán.

Ví dụ như chi phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế... tính vào tài khoản chi phí nào? Phạm vi tính vào chi phí? (chi phí

Hạch toán theo hướng dẫn:

1111	Ngày 01/01	1122	Ngày 29/01	321	Ngày 10/01	156
1000 x 11.000	1000 x 11.000	1000 x 11.000	1000 x 11.200	1000 x 11.050	1000 x 11.050	
		422				
		1000 x 200				
				SD: 1000 x 150		

nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...) bởi vì ở hệ thống tài khoản kế toán mới, phương pháp tính giá thành sản phẩm đã qui định khác, nên phạm vi tập hợp theo tính chất chi phí cho từng tài khoản thích hợp cũng thay đổi.

Một số bút toán có liên quan đến doanh thu tính thuế cũng chưa được hướng dẫn chi tiết. Cụ thể như khi hàng bán bị trả lại, theo luật thuế doanh thu nếu doanh nghiệp có đầy đủ chứng từ hợp lệ thì được giảm thuế hàng bị trả lại. Vậy số thuế trả lại của "hàng bán bị trả lại" trong năm và qua năm sau được hạch toán như thế nào?...

3. Một số phương pháp hạch toán hoàn toàn mới so với hệ thống tài khoản kế toán cũ như: tài sản cố định dài hạn, sử dụng tỉ giá mua thực tế của ngân hàng để ghi sổ chuyển đổi ngoại tệ... thì cần hướng dẫn chi tiết hơn nữa, và nên rà soát lại một số nguyên tắc hạch toán đã hướng dẫn cho phù hợp với tình hình phát sinh trong thực tế.

Ví dụ: khi hướng dẫn thanh toán nợ bằng ngoại tệ ở trang 241 (hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp) hướng dẫn xuất ngoại tệ ra thanh toán có ghi:

"Trường hợp tỉ giá lúc xuất quỹ cao hơn tỉ giá ghi nợ khi nhập"

Nợ TK 321: phải trả cho người cung cấp (theo tỉ giá lúc xuất quỹ)

Có TK 111: tiền mặt (1112) (theo tỉ giá nhập)

Có TK 422: chênh lệch tỉ giá (số chênh lệch tỉ giá xuất quỹ cao hơn tỉ giá đã ghi khi nhập)

Từ hướng dẫn trên ứng dụng vào một số ví dụ nhỏ như sau: Ngày 1/1 công ty dùng tiền mặt mua 1000 USD ở ngân hàng theo tỉ giá 11.000 VND/USD. Ngày 10.01, công ty nhập

khẩu hàng hóa trị giá 1000 USD, tiền chưa thanh toán, tỉ giá mua của ngân hàng trong ngày là 11.050 VND/USD. Ngày 29.01 công ty dùng ngoại tệ gửi ở ngân hàng thanh toán nợ người bán, tỉ giá mua của ngân hàng trong ngày là 11.200 VND/USD.

Như vậy trên sổ sách tài khoản 321 có dư nợ 1000 USD x 150, trong khi đó, thực tế nợ người bán đã trả hết. Hoặc nếu tỉ giá mua của ngân hàng ngày 29.01 là 10.950 VND/USD, nhỏ hơn tỉ giá khi nhập ngoại tệ thì trên sổ sách tài khoản 321 có dư có là 1.000 USD x 100. Nhưng nếu áp dụng tỉ giá ghi nhập làm tỉ giá xuất trong trường hợp thanh toán trên, bất chấp tỉ giá mua của ngân hàng ngày 29.01 thì tài khoản 1122 và tài khoản 321 sẽ có số dư 0 (không), phản ánh đúng thực tế của công ty.

4. Một số phương pháp hạch toán ở hệ thống cũ bị bỏ đi, không thấy hướng dẫn trong hệ thống tài khoản kế toán mới, nhưng thực tế vẫn xảy ra, điều này làm người kế toán lúng túng không biết hạch toán vào đâu. Đơn cử như phí mua hàng thì tính vào giá mua thực tế hàng nhập kho, hạch toán vào tài khoản 156, phí bán hàng hạch toán vào tài khoản 641, còn phí dự trữ hàng hóa không thấy hướng dẫn hạch toán vào tài khoản nào?

Nhìn chung phương pháp hạch toán của hệ thống tài khoản kế toán mới, đáp ứng thực tế phát triển nền kinh tế nước ta hiện nay và lâu dài với những ưu điểm nổi bật nói trên. Tuy nhiên từ lúc ban hành cho đến khi chính thức bắt buộc tất cả doanh nghiệp áp dụng cần phải rà soát lại, sửa đổi bổ sung hướng dẫn áp dụng càng chi tiết cho người làm kế toán thì hệ thống tài khoản kế toán mới càng được hoàn thiện, đáp ứng tối đa yêu cầu quản lý kinh tế của doanh nghiệp, của nền kinh tế quốc dân.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 7